

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày: 27 - 02 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Chí Tình và ông Trần Xuân Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 25/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 25/01/2019 đối với bị cáo:

Cao Ngọc Q, tên gọi khác: Xi; sinh ngày 01 tháng 7 năm 1996 tại xã H, huyện (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn V, xã H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân V, sinh năm 1954 và bà Cao Thị D, sinh năm 1962; vợ: Đoàn Thị L, sinh năm 1998 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Chị Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: thôn N, xã H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Cao Thị N, sinh năm: 1984; nơi cư trú: thôn V, xã H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình- có mặt

+ Chị Đoàn Thị L, sinh năm: 1998; nơi cư trú: thôn V, xã H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 40 phút, ngày 07/9/2018 Cao Ngọc Q đang ở nhà, không có tiền tiêu xài nên Q nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Q chuẩn bị và mang theo 02 điện thoại di động trong đó có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 8 plus, vỏ màu vàng của chị Đoàn Thị L và 01 điện thoại di động có hình thức, kiểu dáng, đặc điểm bên ngoài giống với máy điện thoại Iphone 8 plus nêu trên, không phải do chính hãng Apple sản xuất của Q. Sau đó, Q đi đến nhà chị dâu là Cao Thị N mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 73E1- 19989 để đi, chị N đồng ý. Quý điều khiển xe mô tô đến tiệm cầm đồ "M" ở thôn N, xã H. Tại đây Q gặp chị Đoàn Thị Mỹ H là chủ tiệm, Quý nói với chị H: "Chị ơi, chị có cầm điện thoại không cho em cầm máy với", chị H hỏi: "máy chi đó", Q trả lời "Iphone 8", chị H bảo Q đem máy cho xem. Q lấy từ túi quần ra một máy điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 8 plus, vỏ màu vàng, do hãng Apple sản xuất cho chị H xem. Sau khi xem máy, kiểm tra xác nhận đây là máy chính hãng, chị H hỏi Q: "cầm bao nhiêu tiền?". Q trả lời: Muốn cầm máy với số tiền là 5.000.000 đồng, chị H hỏi Q: "cầm bao nhiêu ngày?", Q trả lời: "cầm 5 ngày". Chị H đồng ý và lấy mảnh giấy màu xanh kích thước (01x02) cm dán vào mặt sau điện thoại do Q đưa đến cầm cố. Lúc này, Q hỏi chị H mượn chọc sim để lấy sim trong máy ra nên chị H đặt máy điện thoại lại trên mặt tủ kính và đi vào gian trong của quán để lấy que chọc sim cho Q mượn. Lợi dụng lúc chị H không có mặt thì Q lấy điện thoại vừa đưa cho chị H để cầm cố ở trên tủ kính và tháo mảnh giấy màu xanh phía sau mặt máy ra, dán lại trên mặt tủ kính rồi cất điện thoại đó vào trong túi áo. Đồng thời lấy điện thoại Iphone 8 plus giả đã chuẩn bị sẵn từ trước ở trong túi áo ra và gián mảnh giấy màu xanh đã gỡ trước đó lên mặt sau của máy rồi để lại trên mặt kính tủ. Chị H lấy que chọc sim đưa cho Q tháo sim trong máy, rồi Q đưa máy cho chị H. Do tin tưởng nên chị H nghĩ máy Q vừa đưa là điện thoại thật do Q cầm cố trước đó nên chị H không xem lại mà hỏi tên, tuổi của Q thì Q trả lời tên D, sinh ngày 01/9/1996, chị H ghi vào mảnh giấy nhỏ màu xanh dán phía sau máy nội dung "D, 01/9/1996, 5 triệu" rồi cất vào tủ, sau đó lấy số tiền 5.000.000 đồng gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa cho Q. Q cầm tiền và đi về nhà, cất giấu trong phòng ngủ của nhà mình.

Đến khoảng 17 giờ, 20 phút cùng ngày, chị H xem lại điện thoại thì phát hiện điện thoại này không giống như điện thoại lúc cầm cố mà là điện thoại giả. Nghi ngờ trong quá trình thực hiện giao dịch Q đã đánh tráo điện thoại thật bằng điện thoại giả để chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng nên chị H đã trình báo Công an, giao nộp máy điện thoại Iphone 8 plus giả cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã tạm giữ 01 điện thoại Iphone 8 plus vỏ màu vàng có số IMEI 356772084004450 và số tiền 5.000.000 đồng, gồm 10 tờ mệnh giá 500.000 đồng từ Cao Ngọc Q; 01 điện thoại di động, màu vàng, phía sau có in chữ IPHONE, có IMEI 3567714081598001 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, mặt sau có dán một mảnh giấy màu xanh có ghi nội dung "D, 01/9/1996, 5 triệu" từ chị Đoàn Thị Mỹ H.

Ngày 10/10/2018, Viện kỹ thuật hình sự Bộ công an đã có kết luận giám định số 5265/C09-P6 kết luận: điện thoại di động gửi giám định in chữ Iphone màu vàng có số IMEI 356772084004450 là do chính hãng Apple sản xuất, điện thoại gửi đi giám định in chữ Iphone màu vàng có số IMEI 3567714081598001 là không phải chính hãng Apple sản xuất

Ngày 19/9/2018, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T, Bắc Quảng Bình xác nhận số tiền 5.000.000 đồng thu giữ từ Cao Ngọc Q là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Quá trình điều tra, xét thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 73 E1- 19989 là của Cao Thị , việc Q sử dụng làm phương tiện phạm tội chị N không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra không tiến hành thu giữ xe mô tô nói trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xử lý trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho chị Đoàn Thị Mỹ H, chị H đã nhận đủ tiền và không có ý kiến gì. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus có số IMEI 356772084004450 là của chị Đoàn Thị L, việc Q sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác chị L không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L.

Quá trình điều tra, Quý đã tự thỏa thuận bồi thường cho chị H số tiền 200.000 đồng

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSNDTXBD ngày 24 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Cao Ngọc Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cao Ngọc Q từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động, màu vàng, phía sau mặt có in chữ IPHONE, có số IMEI 3567714081598001 đã qua sử dụng.

Bị cáo Cao Ngọc Q nhất trí tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo trình bày là đã nhận thức được sự sai trái trong hành vi của mình và cam kết sẽ không tái phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã B, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, việc thu

giữ các vật chứng của vụ án và các hành vi, quyết định tố tụng khác của Điều tra viên đều được thực hiện đúng pháp luật. Việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng thẩm quyền, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Cao Ngọc Q đều thống nhất thừa nhận: Vào khoảng 15 giờ 40 ngày 07/9/2018, lợi dụng sự tin tưởng của chị H, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin giả để nhằm lừa đảo cầm cố 01 điện thoại Apple loại Iphone 8 plus, vỏ màu vàng do chính hãng Apple sản xuất, sau đó đánh tráo với 01 điện thoại điện thoại Apple loại Iphone 8 plus, vỏ màu vàng không do hãng Apple sản xuất (điện thoại giả) để chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Xét thấy diễn biến hành vi phạm tội bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Cao Ngọc Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã gây nguy hiểm đến xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn làm mất lòng tin của những người xung quanh. Bị cáo là người đã trưởng thành, có gia đình vợ con, có sức khỏe, có công việc ổn định nhưng không chịu khó lao động tạo thu nhập chính đáng để nuôi sống bản thân và chăm lo gia đình, làm gương cho vợ con mà ngược lại chỉ vì lười lao động, thích hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm thoả mãn nhu cầu cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để xử phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo học tập, cải tạo tại địa phương là cũng được nghiêm, phù hợp với chính sách pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị cáo đã tự thoả thuận bồi thường, người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản cho các chủ sở hữu, không có ai có yêu cầu gì. Xét thấy việc thu giữ và xử

lý vật chứng của Cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động, màu vàng, phía sau mặt có in chữ IPHONE, có số IMEI 3567714081598001 đã qua sử dụng là điện thoại của Cao Ngọc Q và Q sử dụng để làm công cụ phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Cao Ngọc Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cao Ngọc Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Cao Ngọc Q 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Cao Ngọc Q cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi chỗ ở thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

[4] Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng (vật chứng trên có đặc điểm như mô tả tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B và Chi cục thi hành án dân sự thị xã B ngày 25/01/2019).

[5] Về án phí: buộc bị cáo Cao Ngọc Q phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, bị cáo; người bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án sơ thẩm (đối với những người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- CA thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- THADS thị xã B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà